TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-PT
Ngày 21/6/2022
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Hải Hường.
- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11/3/2022, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐ-PT ngày 11/6/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Anh Lê Văn Hùng, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Đội 4, thôn 12, Hà Phú, xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Văn Thiếc, sinh năm 1946 (vắng mặt).
2. Bà Vũ Thị Loan, sinh năm 1954. (vắng mặt).

3. Chị Trần Thị Thơm, sinh năm 1978. (vắng mặt).

4. Anh Trần Duy Đông, sinh năm 1977. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Trần Thị Bích, sinh năm 1975. (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1968. (vắng mặt).

7. Chị Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1993. (vắng mặt).

8. Anh Bùi Văn Đạt, sinh năm 1984. (vắng mặt).

9. Chị Lê Thị Quỳnh, sinh năm 1992. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Nghè 3, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1980. (vắng mặt).

11. Chị Lê Thị Mai, sinh năm 1985. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

12. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam do ông Nguyễn Phương Bắc- Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

* *Kháng nghị:* Quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Được sự đồng ý của hai gia đình, năm 2011 chị kết hôn với anh Lê Văn Hùng. Trước khi kết hôn chị và anh Hùng có được sự tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Nha. Sau đám cưới chị về nhà anh Hùng thôn Hà Phú 12, xã Tam Dị làm dâu ngay. Năm 2018, chị và anh Hùng chuyển về thôn Nghè 1, xã Tiên Nha sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì nẩy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh Hùng sống ly thân từ tháng 11/2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hùng.

- Về con chung: Chị và anh Hùng có 02 con chung là Lê Thu Phương, sinh ngày 03/11/2012 và Lê Nam Khánh, sinh ngày 01/01/2015. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nuôi con. Chị cùng

chị gái mở chung một xưởng may gần nhà, thu nhập trung bình 15.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh Hùng tạo dựng, phát triển được khối tài sản chung gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 98F1-247.30; đăng ký mang tên anh Lê Văn Hùng; 01 ti vi 55 inch, nhãn hiệu Sam Sung TU801; 01 ngôi nhà hai tầng, diện tích 148m^2 và 01 Kiot, diện tích 22,5m^2 nối liền với nhà hai tầng xây nhờ trên thửa đất số 402, tờ bản đồ số 36 tại thôn Nghè xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02063, SĐC: Trang 136, Quyển 02/2016 ngày 07/7/2020, mang tên ông Lê Văn Cường, sinh năm 1980, bà Lê Thị Mai, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Chị yêu cầu, chia chị và anh Hùng mỗi người ½ giá trị tài sản. Chiếc mô tô, Ti vi giao cho anh Hùng sở hữu, anh Hùng trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho chị bằng tiền.

- Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị và anh Hùng còn nợ vợ chồng anh ruột chị là anh Trần Duy Đông, chị Trần Thị Thơm 150.000.000đồng; nợ bố mẹ đẻ chị là ông Trần Văn Thiếc, bà Vũ Thị Loan 100.000.000đồng; nợ cháu ruột chị là Nguyễn Thị Thảo 15.000.000đồng; nợ vợ chồng anh Bùi Văn Đạt, chị Lê Thị Quỳnh 13.700.000đồng. Đây là các khoản còn nợ khi xây nhà năm 2018, chị yêu cầu chị và anh Hùng mỗi người trả một nửa, nhưng nay chị xin rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Lục Nam 50.000.000đồng. Tiền lãi hàng tháng anh chị đều trả đúng hạn. Khoản tiền nợ ngân hàng chưa đến hạn trả nợ, chị yêu cầu chị và anh Hùng mỗi người trả ½.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn Hùng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 anh và chị Trần Thị Ngọc đã tổ chức lễ thành hôn. Trước khi kết hôn, anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Nha. Sau đám cưới chị Ngọc về nhà anh tại thôn Hà Phú 12, xã Tam Dị, huyện Lục Nam làm dâu ngay. Năm 2018, anh và chị Ngọc chuyển về quê chị Ngọc tại thôn Nghè 1, xã Tiên Nha sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù, vẫn ở chung một nhà, nhưng anh và chị Ngọc sống ly thân từ năm 2019, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ngọc xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị Ngọc có 02 con chung là Lê Thu Phường, sinh ngày 03/11/2012 và Lê Nam Khánh, sinh ngày 01/01/2015. Hai con đang ở chung cùng nhà với chị Ngọc. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con, trường hợp được nuôi một con, anh có nguyện vọng được nuôi con trai là

Lê Nam Khánh. Anh không yêu cầu chị Ngọc cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu Quốc Thái ở thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, thu nhập trung bình 15.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị Ngọc tạo dựng được khối tài sản chung như chị Ngọc đã trình bày. Anh đề nghị chia anh và chị Ngọc mỗi người ½ giá trị tài sản. Anh đồng ý giao cho anh Nguyễn Văn Cường, chị Lê Thị Mai sở hữu ngôi nhà cùng tài sản khác trên thửa đất 402, tờ bản đồ 36 tại thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, anh Cường, chị Mai trả anh và chị Ngọc giá trị tài sản bằng tiền. Đối với 01 ti vi, 01 xe mô tô anh đề nghị giao chi chị Ngọc sở hữu, chị Ngọc trả anh ½ giá trị tài sản bằng tiền.

- Về nợ chung: Anh và chị Ngọc còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam 50.000.000đồng tiền gốc, chưa đến hạn trả nợ, tiền lãi vợ chồng anh đều trả đúng hạn. Anh đồng ý anh và chị Ngọc mỗi người trả ½ khoản nợ trên.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Duy Đông, chị Trần Thị Thơm trình bày:

Cuối tháng 9 năm 2018, vợ chồng anh chị có cho vợ chồng chị Trần Thị Ngọc, anh Lê Văn Hùng vay 150.000.000đồng để xây nhà, thỏa thuận miệng khi nào chị Ngọc, anh Hùng có thì trả. Nay chị Ngọc, anh Hùng ly hôn, chị Ngọc yêu cầu chia đôi khoản nợ, chị và anh Hùng mỗi người phải trả vợ chồng anh chị 75.000.000đồng, anh chị đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Tiến trình bày:

Cuối tháng 9 năm 2018, vợ chồng anh (Tiến+ Bích) có cho vợ chồng chị Ngọc, anh Hùng vay 140.000.000đồng để xây nhà. Do là anh em ruột nên khi vay các bên không lập văn bản, không tính lãi suất, thỏa thuận miệng khi nào chị Ngọc, anh Hùng có thì trả. Nay chị Ngọc, anh Hùng ly hôn, chị Ngọc yêu cầu chia đôi khoản nợ, chị và anh Hùng mỗi người phải trả vợ chồng anh 70.000.000đồng, anh đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Quỳnh trình bày:

Cuối tháng 9/2018, vợ chồng chị Trần Thị Ngọc, anh Lê Văn Hùng ra nhà chị mua cửa kính, cửa sắt, tôn, cửa xếp về làm nhà và thuê chồng chị lắp đặt hết số tiền là 70.700.000đồng. Anh Hùng, chị Ngọc đã trả được 57.000.000đồng, còn nợ lại 13.700.000đồng. Các bên có lập văn bản, ghi hóa đơn nhưng vì là người cùng thôn nên các bên không ký nhận và thỏa thuận trả dần, nay chị Ngọc, anh Hùng ly hôn, chị Ngọc yêu cầu chia đôi khoản nợ, chị và anh Hùng mỗi người phải trả vợ chồng chị ½ khoản nợ trên, chị đồng ý.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn Cường trình bày: Ngày 07/7/2020 vợ chồng anh là Nguyễn Văn Cường, Lê Thị Mai được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 402, tờ bản đồ 36, diện tích 105m^2 tại thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, số vào sổ cấp GCN: CS02063, SĐC: Trang 136, Quyển 02/2016. Nguồn gốc thửa đất là năm 2017, vợ chồng anh mua của Thiện người Hà Nội, nhưng đến năm 2020, vợ chồng anh mới làm thủ tục sang tên. Trước khi vợ chồng anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh trai chị Ngọc là anh Trần Duy Đông hỏi vợ chồng anh cho vợ chồng anh Lê Văn Hùng, chị Trần Thị Ngọc mượn đất để xây nhà. Vì chị Ngọc là con dì ruột nên vợ chồng anh đồng ý. Nay anh Hùng, chị Ngọc ly hôn, anh yêu cầu giao quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất cho vợ chồng anh, vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả chị Ngọc, anh Hùng giá trị tài sản bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam do ông Nguyễn Phương Bắc- Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 24/01/2019, ngân hàng cho anh Lê Văn Hùng đại diện gia đình vay 50.000.000đồng, thời hạn vay là 05 năm. Lãi suất 9%/ năm, lãi suất quá hạn 130%/lãi suất cho vay. Nay chị Ngọc, anh Hùng ly hôn, ngân hàng đề nghị chị Trần Thị Ngọc có trách nhiệm cùng với anh Lê Văn Hùng trả khoản nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Thiếc, bà Vũ Thị Loan, chị Vũ Thị Bích, chị Nguyễn Thị Thảo, anh Bùi Văn Đạt, chị Nguyễn Thị Mai đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ gì.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã xử:

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 218, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 244, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc và anh Lê Văn Hùng.

2.Về con chung: Giao cho chị Ngọc nuôi cả 2 con chung là Lê Thu Phương, sinh ngày 03/11/2012 và Lê Nam Khánh, sinh ngày 01/01/2015. Anh Lê Văn Hùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Lê Văn Hùng sở hữu 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sam sung TU801 55inch; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu xanh, đen bạc, số màu IA39E1160348, số khung 3913KY298367, biển kiểm soát 98F1-24730, đăng ký xe tên Lê Văn Hùng. Anh Lê Văn Hùng phải trích trả chị Trần Thị Ngọc 12.400.000đồng.

Giao cho anh Nguyễn Văn Cường, chị Lê Thị Mai sở hữu nhà 02 tầng, diện tích 148m^2 và ki ốt nối liền đằng trước ngôi nhà, diện tích 22,5 m^2 và toàn bộ các tài sản khác trên thửa đất 402, tờ bản đồ số 36, tại thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CS 022063, SĐC: trang 136, Quyển 02/2016 ngày 07/7/2020, mang tên anh Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1989, chị Lê Thị Mai, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Văn Cường, chị Lê Thị Mai phải trả cho chị Ngọc số tiền là 302.431.000đồng; trả cho anh Lê Văn Hùng số tiền là 302.431.000đồng.

4. Nghĩa vụ chung đối với tài sản:

- Chị Trần Thị Ngọc phải trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam 25.000.000đồng tiền gốc, tiền lãi và thời hạn trả theo "Mã món vay" số 6600000714351169, "Mã khách hàng" số 7092021362 theo sổ vay lập ngày 24/01/2019.

- Anh Lê Văn Hùng phải trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam 25.000.000đồng tiền gốc, tiền lãi và thời hạn trả theo "Mã món vay" số 6600000714351169, "Mã khách hàng" số 7092021362 theo sổ vay lập ngày 24/01/2019.

- Đình chỉ yêu cầu giải quyết về công nợ của chị Trần Thị Ngọc đối với các khoản nợ của anh Trần Duy Đông, chị Trần Thị Thơm; anh Nguyễn Văn Tiến, chị Trần Thị Bích; ông Trần Văn Thiếc, bà Vũ Thị Loan; chị Nguyễn Thị Thảo; anh Bùi Văn Đạt, chị Lê Thị Quỳnh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/02/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 22/02/2022. Nội dung kháng nghị: Tòa án sơ thẩm đã xác định chị Ngọc và anh Hùng có tổng giá trị tài sản là 629.662.000đồng. Chị Ngọc, anh Hùng có khoản nợ chung là nợ ngân hàng chính sách 50.000.000đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phân chia cho chị Ngọc, anh Hùng mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung 629.662.000đồng: 2= 314.813.000đồng và phải trả ½ số nợ chung cho Ngân hàng 50.000.000đồng: 2 = 25.000.000đồng.

Căn cứ quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi

trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba; các đương sự phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo quyết định của Tòa án.

Số tài sản được chia, sau khi trừ đi số tiền phải trả cho Ngân hàng thì chị Ngọc, anh Hùng mỗi người còn được hưởng số tài sản trị giá 314.831.000đồng-25.000.000đồng = 289.831.000đồng. Chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia 289.831.000đồng x 5% = 14.419.000đồng và mỗi người phải chịu án phí đối với số tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là (50.000.000đồng x 5%) :2 = 1.250.000đồng. Tổng cộng, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.491.000đồng + 1.250.000đồng = 15.741.000đồng.

Việc Tòa án sơ thẩm nhận định chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu án phí đối với tài sản được chia; án phí của khoản nợ phải trả 15.741.550đồng + 1.250.000đồng = 16.991.550 đồng là mỗi người phải chịu án phí nhiều hơn so với quy định của pháp luật là 1.250.000đồng; không đảm bảo quyền lợi của chị Ngọc, anh Hùng.

Tại phần nhận định của bản án, Tòa án có nhận định số tiền án phí chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu là 17.066.550đồng; đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Ngọc đã nộp 6.550.000đồng, anh Hùng đã nộp 18.450.000đồng thì chị Ngọc còn phải chịu số tiền án phí là 10.516.550đồng; anh Hùng còn được hoàn trả số tiền 1.383.450đồng. Nhưng tại phần quyết định của Bản án, Tòa án không tuyên buộc chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu tổng số tiền án phí là bao nhiêu; đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp thì còn phải nộp hoặc được hoàn trả số tiền là bao nhiêu mà Tòa án chỉ tuyên là chị Ngọc phải chịu 10.516.550đồng tiền án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Hùng 1.383.450đồng tiền tạm ứng án phí là không đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam theo thủ tục phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam về phần giải quyết án phí; tuyên rõ số tiền án phí mà chị Trần Thị Ngọc, anh Lê Văn Hùng mỗi người phải chịu theo hướng phân tích nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc không rút đơn khởi kiện và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần án phí của bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc trình bầy: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung và nhất trí với kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn là anh Lê Văn Hùng trình bầy: Anh không có ý kiến gì về quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang trong thời hạn luật định. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Thiếc, bà Vũ Thị Loan, chị Trần Thị Bích, anh Nguyễn Văn Tiến, chị Nguyễn Thị Thảo, anh Bùi Văn Đạt, chị Lê Thị Quỳnh, anh Nguyễn Văn Cường, chị Lê Thị Mai, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc xét kháng nghị không liên quan và không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc đề nghị sửa án về phần giải quyết án phí, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phân chia cho chị Ngọc, anh Hùng mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung 629.662.000đồng: 2= 314.813.000đồng và phải trả ½ số nợ chung cho Ngân hàng 50.000.000đồng: 2 = 25.000.000đồng.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa

vụ với bên thứ ba; các đương sự phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo quyết định của Tòa án.

Số tài sản được chia, sau khi trừ đi số tiền phải trả cho Ngân hàng thì chị Ngọc, anh Hùng mỗi người còn được hưởng số tài sản trị giá 314.831.000đồng-25.000.000đồng = 289.831.000đồng. Chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia 289.831.000đồng x 5% = 14.419.000đồng và mỗi người phải chịu án phí đối với số tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là (50.000.000đồng x 5%) : 2 = 1.250.000đồng. Tổng cộng mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.491.000đồng + 1.250.000đồng = 15.741.000đồng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu án phí đối với tài sản được chia; án phí của khoản nợ phải trả 15.741.550đồng + 1.250.000đồng = 16.991.550 đồng là mỗi người phải chịu án phí nhiều hơn so với quy định của pháp luật là 1.250.000đồng; không đảm bảo quyền lợi của chị Ngọc, anh Hùng.

Tại phần nhận định của bản án, Tòa án có nhận định số tiền án phí chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu là 17.066.550đồng; đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Ngọc đã nộp 6.550.000đồng, anh Hùng đã nộp 18.450.000đồng thì chị Ngọc còn phải chịu số tiền án phí là 10.516.550đồng; anh Hùng còn được hoàn trả số tiền 1.383.450đồng.

Nhưng tại phần quyết định của Bản án, Tòa án sơ thẩm không tuyên buộc chị Ngọc, anh Hùng mỗi người phải chịu tổng số tiền án phí là bao nhiêu; đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp thì còn phải nộp hoặc được hoàn trả số tiền là bao nhiêu mà Tòa án chỉ tuyên là chị Ngọc phải chịu 10.516.550đồng tiền án phí hôn nhân gia đình và dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Hùng 1.383.450đồng tiền tạm ứng án phí là không đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2].Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sửa bản án sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam. Xử:

Căn cứ vào các Điều 27; Điều 37; Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 218, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Thị Ngọc phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 14.491.000đồng án phí đối với tài sản được chia và 1.250.000đồng án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Tổng cộng, chị Ngọc phải chịu 15.816.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 6.550.000đồng đã nộp theo các biên lai số AA/2017/005434 ngày 13/7/2021 và biên lai số AA/2017/0005497 ngày 24/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Chị Ngọc còn phải nộp tiếp số tiền 9.266.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh Lê Văn Hùng phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 14.491.000đồng án phí đối với tài sản được chia và 1.250.000đồng án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Tổng cộng, anh Hùng phải chịu 15.816.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 18.450.000đồng theo biên lai số AA/2017/0005490 ngày 16/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Hoàn trả anh Hùng số tiền 2.634.000đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường **Hoàng Thị Thu Hiên** **Trần Thị Hà**

Nơi nhận:
- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà